TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 879/2019/DS-PT
Ngày: 08/10/2019
V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Kim Quy
2. Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2019/TLPT-DS ngày 22/7/2019, về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 210/2019/DS-ST ngày 05/6/2019 của Toà án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4257/2019/QĐXX-PT ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tâm H, sinh năm 1957
Địa chỉ: 65/8 HVB, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1955 (có mặt)
Địa chỉ: 480/31/2/12 BQ, Phường HT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 25/5 HV, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Hải Y, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 246/10F HH, Phường MB, Quận MI, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Thành H1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: 34/12E đường TC, Khu phố B, phường TTN, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tâm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm H ngày 09/9/2016, đơn kiện bổ sung ngày 10/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Văn C đại diện trình bày:

Theo Hợp đồng ủy quyền số 017895 ngày 12/5/2010 của Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Nguyễn Thị Tâm H (bên A) ủy quyền cho bà Nguyễn Thị G (bên B), với nội dung ủy quyền bên B được thay mặt và nhân danh bên A liên hệ các Ngân hàng để vay vốn và làm các thủ tục giải chấp nợ vay cho bên A. Ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng ủy quyền rồi ra về trước nhưng trên hợp đồng ủy quyền được Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh đóng dấu lại ghi ngày 13/5/2010 (sau 01 ngày) và không giao cho bà H giữ một bản theo quy định. Sau đó, bà Hoa đến Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được trích lục Hợp đồng ủy quyền thì biết được người được ủy quyền không phải là bà Nguyễn Thị G mà được thay thế bằng ông Đoàn Thành H1. Bà H không biết ông H1 là ai và hành vi thay đổi nội dung hợp đồng ủy quyền là vi phạm quy định của pháp luật của Phòng Công chứng B. Đồng thời, tại trang số 1 của hợp đồng ủy quyền không có chữ ký của bà H và không đánh số trang theo đúng quy định. Do Hợp đồng ủy quyền số 017895 ngày 12/5/2010 của Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh công chứng vi phạm pháp luật nên bà Nguyễn Thị Tâm H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Tâm H và ông Đoàn Thành H1 được Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh công chứng là vô hiệu.

Tại bản tự khai ngày 16/02/2017, bị đơn Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H3 đại diện trình bày:

Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tâm H về hình thức và nội dung chưa phù hợp với quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và xác định người bọ kiện là chưa chính xác.

Nguyên trước đây, ngày 17/12/2015 bà Hoa đã làm đơn khởi kiện ông Đoàn Thành H1 tại Tòa án nhân dân Quận 3 với nội dung yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền số 017895 ngày 12/5/2010 vì hợp đồng này là giả tạo. Đồng thời, trong vụ án này, Tòa án nhân dân Quận 3 đã xác định Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận 3 ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, với lý do "Sự việc đã được giải quyết bằng Bản án số 1376/2015/DS-PT ngày 14/10/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh".

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì theo quy định tại Điều 52 và Điều 76 Luật Công chứng năm 2014, quy định về chủ thể có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và phương thức giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng. Hai điều luật này không có quy định

nào làm căn cứ cho việc yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu mà chỉ làm căn cứ để xác định bà Hoa có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng.

Việc bà H xác định không có quan hệ với ông Đoàn Thành H1 trong việc ủy quyền cho ông H1 thay mặt bà H thực hiện việc ủy quyền là không đúng sự thật. Bởi vì, tại thời điểm giao kết hợp đồng ủy quyền nêu trên, ông H1 và bà H không có mặt cùng một lúc. Bà H đã lập văn bản yêu cầu công chứng viên cho bà H ký trước vào hợp đồng còn ông H1 sẽ mang toàn bộ các giấy tờ về tài sản bản chính và đến ký sau (bút lục số 5 của hợp đồng ủy quyền). Như vậy, bà H cho rằng không có quan hệ với ông H1 trong việc ủy quyền là không đúng sự thật.

Hợp đồng ủy quyền do Công chứng viên Nguyễn Kim C chứng nhận số 017895 ngày 12/5/2010 không có đánh số tranh là thiếu chặt chẽ nhưng đây là sai sót về kỹ thuật soạn thảo văn bản, sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung của văn bản cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, vì hợp đồng ủy quyền vẫn có dấu giáp lai của Phòng Công chứng B (theo quy định tại Điều 42 Luật Công chứng 2006). Mặc dù, trong hợp đồng ủy quyền thiếu số trang nhưng vẫn có đầy đủ chữ ký của các bên giao kết hợp đồng và trong hợp đồng bà Hoa đã xác nhận vào hợp đồng ủy quyền đã đọc và đồng ý, ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng.

Bà H cho rằng chữ ký trong hợp đồng ủy quyền bị đánh tráo vì chữ ký tại trang 1 của hợp đồng ủy quyền không phải chữ ký của bà và bà H đã yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định chữ ký của bà và chữ ký tại trang 1 của hợp đồng ủy quyền có phải do cùng một người ký ra hay không. Tuy nhiên, Phân viện Khoa học hình sự đã không đưa ra được kết luận về việc chữ ký do bà Hoa cung cấp và chữ ký tại trang 1 của hợp đồng ủy quyền có phải do cùng một người ký ra hay không. Như vậy, bà H không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh chữ ký tại trang 1 của hợp đồng ủy quyền nêu trên là không phải chữ ký của bà H.

Theo đơn khởi kiện của bà H ghi ngày 09/9/2016, trong khi hợp đồng ủy quyền được Công chứng viên Phòng Công chứng B chứng nhận vào năm 2010, từ thời điểm Công chứng viên chứng nhận hợp đồng ủy quyền đến thời điểm bà H khởi kiện là hơn 06 năm. Như vậy, thời hiệu khởi kiện không còn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 và khoản 4 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thành H1 vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại bản án sơ thẩm số 210/2019/DS-ST ngày 05/6/2019, Toà án nhân dân quận Tân Bình đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm H về việc yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 017859 do Phòng Công chứng BThành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010 giữa bà Nguyễn Thị Tâm H và ông Đoàn Thành H1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tâm H phải chịu án phí sơ thẩm 200.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011410 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/6/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm H đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Tâm H ủy quyền cho ông Trần Văn C đại diện kháng cáo cho rằng: Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Tâm H sử dụng trong giao dịch dân sự khi ký Hợp đồng ủy quyền số 017859 ngày 12/5/2010 đã hết hạn 02 năm (theo quy định sử dụng chứng minh nhân dân trong giao dịch là 15 năm), căn cứ Nghị định số 05 ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân và Công văn số 189/CC4 ngày 02/7/2019 của Phòng Công chứng Bvề việc trả lời đơn của ông Trần Văn C. Đồng thời, Hợp đồng ủy quyền nêu trên tại trang 1 có ghi người được ủy quyền là ông Đoàn Thành H1 là ai bà H không biết. Do đó, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010 vô hiệu.

Xin rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010, do Công chứng viên không đánh số trang trên hợp đồng và rút yêu cầu giám định lại chữ ký của bà Nguyễn Thị Tâm H tại trang 1 của Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010.

+ Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho bà Huỳnh Hải Y đại diện yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và giữ y án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Ngày 12/5/2010 bà Nguyễn Thị Tâm H có đến Phòng Công chứng B thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu công chứng về việc ủy quyền, tại hồ sơ có cung cấp chứng minh nhân dân của ông Đoàn Thành H1. Cùng ngày 12/5/2010, bà Nguyễn Thị Tâm H có viết giấy tay về việc "được ký trước sau đó ông Đoàn Thành H1 sẽ mang bản chính lên ký sau, khi ông H1 xuất trình giấy tờ bản chính thì bà đồng ý để công chứng viên chứng nhận hợp đồng ủy quyền và ông H1 sẽ nhận 02 bản hợp đồng này". Điều này phù hợp với lời khai của bà H

là bà H không được nhận bản chính của Hợp đồng ủy quyền. Đồng thời những nội dung trong hợp đồng ủy quyền số 017895 ngày 12/5/2010 cũng phù hợp với nội dung mà bà H yêu cầu ký trước. Do vậy bà H cho rằng không biết ông H1 là ai là không có cơ sở.

Tại kết luận giám định số 3497/C54B ngày 18/01/2018 có nội dung: Hình dấu tròn giáp lai có nội dung "Phòng Công chứng B trên hợp đồng ủy quyền số 017895 đề ngày 12 tháng 5 năm 2010 (lưu tại Phòng Công chứng Bthành phố Hồ Chí Minh) so với hình dấu tròn có nội dung lưu tại Phòng Công chứng Blà do một con dấu đóng dấu". Chữ ký, chữ viết trên giấy viết tay có nội dung bắt đầu và kết thúc "...tôi tên...Nguyễn Thị Tâm H..." đề ngày 12/5/2010 (lưu tại Phòng Công chứng Bthành phố Hồ Chí Minh) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Tâm H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy có cơ sở để xác định hợp đồng ủy quyền số công chứng 017895 ngày 12/5/2010 đã thể hiện đúng ý chí của bà H. Do vậy không có cơ sở để hủy hợp đồng công chứng này.

Tại đơn kháng cáo phía nguyên đơn cho rằng Giấy chứng minh nhân dân số 022459400 của nguyên đơn sử dụng để giao dịch dân sự - ký hợp đồng ủy quyền số 017895 ngày 12/5/2010 của Phòng Công chứng B, đã quá 17 năm. Đã hết hạn 02 năm, nhận thấy theo quy định của Luật Công chứng thì người yêu cầu công chứng phải nộp bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng chứ không quy định về thời hạn sử dụng của các giấy tờ tùy thân, hơn nữa tại thời điểm nguyên đơn nộp bản sao giấy chứng minh nhân dân thì chứng minh không bị nhòe, không bị rách do vậy Phòng công chứng vẫn tiến hành công chứng hợp đồng ủy quyền cho nguyên đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần kháng cáo đối với yêu cầu Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010, do Công chứng viên không đánh số trang và rút yêu cầu giám định lại chữ ký của bà H tại trang 1 của Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những yêu cầu trên của bà H.

Vì các lẽ trên, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoa và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 210/2019/DS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thành H1 đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt

không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần kháng cáo đối với Hợp đồng ủy quyền số 017859 của Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010, do Công chứng viên không đánh số trang trên hợp đồng và rút yêu cầu giám định lại chữ ký của bà Nguyễn Thị Tâm H tại trang 1 của Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010.

Xét việc người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tâm H rút một phần yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy đjinh của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu nêu trên của bà Hoa theo quy định tại Điều 289 và Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 017895, quyển số 5TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 12/5/2010 có nội dung: Bên ủy quyền bà Nguyễn Thị Tâm H ủy quyền cho bên được ủy quyền ông Đoàn Thành H1 được quyền thay mặt và nhân danh bà Hoa quản lý, sử dụng, cấp đổi chủ quyền, cho thuê, cho mượn (thanh lý hợp đồng cho thuê, cho mượn), thế chấp, thế chấp để đảm bảo cho bên thứ 3, giải chấp, bán (chuyển nhượng), tặng cho, (bao gồm cả việc hủy hợp đồng bán, chuyển nhượng, tặng cho) đối với căn nhà A39 ấp Bình Triệu, xã Bình Chánh, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức) căn cứ theo quy định hiện hành. Ủy quyền không có thù lao; thời hạn ủy quyền 10 năm kể từ ngày hợp đồng này được Phòng Công chứng chứng nhận hoặc khi hợp đồng ủy quyền chấm dứt theo quy định của Bộ luật dân sự (bút lục số 178 – 180).

[4] Theo tờ giấy viết tay không ghi tiêu đề của bà Nguyễn Thị Tâm H ngày 12/5/2010 có nội dung: Đề nghị Phòng Công chứng cho tôi ký trước sau đó ông Đoàn Thành H1 mang bản chính giấy tờ lên ký sau, khi ông H1 xuất trình giấy tờ bản chính thì tôi đồng ý để công chứng viên chứng nhận Hợp đồng ủy quyền này và ông Hưng sẽ nhận 02 bản hợp đồng này, tôi cam kết không khiếu nại gì về vấn đề trên (bút lục số 211).

[5] Theo Kết luận giám định số 3497/C54B ngày 18/01/2018 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận: Hình dấu tròn giáp lai có nội dung "Phòng công chứng số 4" trên "Hợp đồng ủy quyền số 017895 đề ngày 12 tháng 5 năm 2010 (lưu tại Phòng Công chứng BThành phố Hồ Chí Minh) so với hình dấu tròn có nội dung lưu tại Phòng Công chứng B là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Tâm H trên giấy viết tay có nội dung được bắt đầu và kết thúc: "tôi tên…Nguyễn thi tâm Hoa" đề ngày 12/5/2010 (lưu tại Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh) so với chữ ký, chữ viết đứng tên bàn Nguyễn Thị Tâm H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra (bút lục số 223).

[6] Xét Giấy chứng minh nhân dân số 022459400 của bà Nguyễn Thị Tâm H do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/1993 để sử dụng trong giao dịch dân sự khi ký Hợp đồng ủy quyền số 017859 ngày 12/5/2010 đã hết hạn theo quy định. Tuy nhiên, việc xuất trình Giấy chứng minh nhân dân là để xác định tính xác thực của chủ thể tham gia giao dịch và thông tin nhân thân trong Giấy chứng minh nhân dân với các giấy tờ khác liên quan. Đồng thời, Luật Công chứng năm 2006, không quy định về thời hạn sử dụng của các giấy tờ tùy thân. Do đó, bà Nguyễn Thị Tâm H ủy quyền cho ông Trần Văn C đại diện kháng cáo cho rằng, bà H sử dụng Giấy chứng minh nhân dân quá hạn 02 năm để giao dịch (theo quy định Giấy chứng minh nhân dân sử dụng trong giao dịch là 15 năm), nên yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền do Công chứng viên Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 12/5/2010 là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[7] Xét ngày 12/5/2010, bà Nguyễn Thị Tâm H đến Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh và viết Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch ngày 12/5/2010 với nội dung, nộp hồ sơ yêu cầu công chứng ủy quyền. Đồng thời, tờ giấy viết tay không ghi tiêu đề của bà Nguyễn Thị Tâm H ngày 12/5/2010 (lưu tại Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh) có nội dung: Đề nghị Phòng Công chứng cho tôi ký trước sau đó ông Đoàn Thành H1 mang bản chính giấy tờ lên ký sau, khi ông H1 xuất trình giấy tờ bản chính thì tôi đồng ý để Công chứng viên chứng nhận Hợp đồng ủy quyền này và ông H1 sẽ nhận 02 bản hợp đồng này. Tờ giấy viết tay không ghi tiêu đề của bà Nguyễn Thị Tâm H ngày 12/5/2010 (lưu tại Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh) đã được Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận giám định "là do cùng một người ký, viết ra". Do đó, bà H cho kháng cáo cho rằng, không biết ông Đoàn Thành H1 là ai là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[8] Án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 017895 do Công chứng viên Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 12/5/2010 là có căn cứ, nên giữ nguyên.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đồng thời, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H về việc Hợp đồng ủy quyền số 017859 của Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010, do Công chứng viên không đánh số trang trên hợp đồng và rút yêu cầu giám định lại chữ ký của bà Nguyễn Thị Tâm H tại trang 1 của Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010.

Như đã nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà Hoa phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 8; điểm c, d khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 41; Điều 42; Điều 45 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tâm H cho rằng, Công chứng viên không đánh số trang của Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010 và yêu cầu giám định lại chữ ký của bà Nguyễn Thị Tâm H tại trang 1 của Hợp đồng ủy quyền số 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tâm H.

3. Giữ nguyên bản án số 210/2019/DS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm H về việc yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 017859 do Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 12/5/2010 giữa bà Nguyễn Thị Tâm H và ông Đoàn Thành H1.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tâm H phải chịu án phí sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011410 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tâm H chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Tâm H tạm nộp theo biên lai thu số 0038649 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Tân Bình;
- TAND quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường